TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2017.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh, ông Đặng Hữu Luật.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người làm chứng:

1, Chị Vũ Thị N, sinh năm 1954; Có mặt.

2. Chị Vũ Thị V, sinh năm 1969; Có mặt.

3, Anh Phan Đình T, sinh năm 1960; Có mặt.

4. Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1937; Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc H kết hôn năm 1989, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có sự chứng kiến của họ hàng hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn nhưng không đến trụ sở UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương đăng ký, mà chỉ đến nhà ông Nguyễn Đăng S (cậu ruột của anh H) là cán bộ tư pháp của xã để đăng ký kết hôn. Do nhận thức hạn chế và tin tưởng ông S là người nhà, nên chị nghĩ rằng việc đăng ký kết hôn của chị và anh H thực hiện là hợp pháp. Thời gian sau chị có hỏi ông S về giấy chứng nhận kết hôn, ông S nói đăng ký như vậy là xong rồi không cần phải giấy nữa, ông S không đưa giấy cho chị hay anh H. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống ở thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương được gia đình hai bên và thôn, xóm thừa nhận là vợ chồng. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc được 27 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do: năm 2004 chị đi lao động ở ĐL đến tháng 12/2016 chị về nước, khi đi làm ở ĐL mọi thu nhập chị đều gửi về cho anh H, nhưng khi chị về nước không có tiền tiêu, chị bảo anh H đưa tiền cho chị, anh H không đưa mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Kể từ đó chị và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi nhau, lúc chị ốm đau anh H cũng không quan tâm, không đưa tiền cho chị đi điều trị. Hai bên gia đình, các tổ chức đoàn thể tại thôn đã nhiều lần hòa giải cho chị và anh H nhưng chỉ được 1 thời gian lại phát sinh mâu thuẫn, anh H vu khống nói xấu chị ở thôn, xóm. Ngày 7/7/2017 anh chị xẩy ra mâu thuẫn, anh H đánh chị, chị phải đi viện điều trị, sau khi ra viện chị về nhà thì anh H khóa cửa không cho chị vào nên chị phải về nhà bố mẹ ở nhờ. Nay chị xác định mâu thuẫn của chị và anh H đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung*:* Chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Khắc H1 (tên gọi khác Nguyễn Khắc Q), sinh ngày 08/5/1991 và Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 15/02/1997, hiện cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Khắc H1 theo giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, các giấy tờ về nhân thân từ trước đến nay đều ghi là Nguyễn Khắc H1 sinh ngày 08/5/1991, nhưng trong sổ đăng ký khai sinh lưu trữ tại UBND xã H lại ghi là Nguyễn Khắc Q, sinh ngày 18/6/1991, lý do vì sao chị không biết, chị đã làm đơn đề nghị UBND xã H xác nhận giúp về nội dung này.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc H trình bày: Anh và chị L tổ chức lễ cưới theo phong tục từ năm 1989, ngày tháng cụ thể anh không nhớ, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn là do nhận thức hạn chế, không hiểu rõ quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh và chị L chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, chỉ sau khi chị L khi lao động ở nước ngoài về (tháng 11/2016), vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L ruồng bỏ anh, không còn quan tâm đến anh, không chăm lo cho gia đình, không ăn uống sinh hoạt cùng anh. Anh đã nhiều lần nói chuyện với chị L để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng chị L không nghe, không quan tâm tới anh. Chị L thường xuyên ăn ở, sinh hoạt ở nhà chị gái và anh rể là Vũ Thị V, Nguyễn Đăng Đ thỉnh thoảng mới về nhà, khi về nhà thì lại chửi bới, xúc phạm anh, anh không bao giờ đánh chị L chỉ có 1 lần vào ngày 14/11/2016 âm lịch do chị L có lời nói xúc phạm, thách thức anh nên anh đã tát chị L mấy cái. Gia đình, thôn và hội phụ nữ thôn đã nhiều lần hòa giải cho anh và chị L nhưng không thành, nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Khắc H1 (Nguyễn Khắc Q), sinh năm 1991 (ngày tháng sinh anh không nhớ rõ) và Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 15/02/1997, cháu H1 hiện đang đi lao động tại NB, cháu H2 hiện đang đi nghĩa vụ quân sự. Cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh không đồng ý ly hôn với chị L nên anh sẽ không đến Tòa án để làm việc nữa. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng :

Chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị V trình bày: Các chị là chị gái của chị L. Anh H và chị L kết hôn năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được họ hàng hai bên gia đình công nhận. Sau đó chị L, anh H có đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không các chị không biết. Quá trình chị L và anh H chung sống thời gian đầu hạnh phúc, chỉ đến khi chị L đi lao động ở nước ngoài về vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ việc chị L yêu cầu anh H đưa tiền để chị L đi chợ, anh H không đưa cho chị L mà còn đánh, chửi chị L. Sau đó giữa chị L và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh H còn vu khống, xúc phạm danh dự và đánh chị L. Gia đình, họ hàng đã nhiều lần động viên hòa giải để chị L, anh H

đoàn tụ nhưng không thành. Chị L và anh H có hai con chung, các cháu đều đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Ông Nguyễn Khắc S trình bày: Ông là chú họ của anh H. Chị L và anh H kết hôn thời gian nào ông không nhớ rõ, có tổ chức đám cưới theo phong tục của dân tộc và được họ hàng hai bên thừa nhận còn việc chị L, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H hay không thì ông không rõ. Quá trình vợ chồng chung sống đã có hai con chung và tài sản chung. Chỉ đến năm 2016 sau khi chị L đi nước ngoài về mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo mọi người nói lại là do phát sinh từ chuyện tiền, kinh tế khi chị L đi nước ngoài gửi về. Họ hàng hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Anh Phan Đình T trình bày: Anh là anh rể của anh H. Chị L và anh H kết hôn năm 1989, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên họ hàng và bà con thôn xóm, có đăng ký kết hôn hay không anh không rõ nhưng theo anh được biết thì trong sổ theo dõi tại UBND xã H thì không có tên chị L, anh H. Quá trình chung sống trước đó anh H, chị L không có mâu thuẫn chỉ khi chị L đi nước ngoài về thì thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh không rõ, nhưng chỉ thấy chị L thường xuyên nói về chuyện kinh tế và có lời lẽ xúc phạm anh H. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng chị L vẫn không thay đổi.

Theo xác minh tại UBND xã H: Chị L, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, chị L và anh H chung sống với nhau từ năm 1989 đã có hai con chung và tài sản chung. Việc chị L, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H hay không thì UBND xã không xác định được vì hiện nay hồ sơ đăng ký hết hôn năm 1989 tại UBND xã H không còn lưu trữ. Ông Nguyễn Đăng S giữ chức vụ ủy viên UBND xã H từ 1984-1989, hiện nay đã chết, nên việc chị Len trình bày đến nhà ông S để đăng ký kết hôn UBND không xác định được. Qua thực tế xác định chị L và anh H chung sống như vợ chồng và đã có con chung. Trước đó không thấy chị L anh H có mâu thuẫn chỉ đến năm 2016 thì nghe dư luận trong thôn nói chị L anh H mâu thuẫn, cãi nhau, UBND xã đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành.

Theo xác minh tại Phòng tư pháp – UBND huyện N: Hiện tại hồ sơ đăng ký kết hôn của UBND xã H, Phòng tư pháp không còn lưu giữ được nên không có căn cứ xác định nội dung chị Vũ Thị L, anh Nguyễn Khắc H có đăng ký kết hôn nay không.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Vũ Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định anh chị kết hôn năm 1989, khi kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đến nhà ông Nguyễn Đăn S để đăng ký kết hôn. Hiện nay chị không cung cấp được căn cứ nào xác định về việc đăng ký kết hôn, tuy nhiên chị và anh H là vợ chồng đã được họ hàng hai bên, thôn, xóm địa phương thừa nhận, nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Về con chung anh chị có hai con chung, các con đều trên 18 tuổi không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc H xác định anh và chị L không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới và chung sống từ năm 1989. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi chị L đi nước ngoài về, chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 14 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa chị L, anh H. Về án phí: chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1989. Chị L trình bày chị và anh H đã đến nhà riêng của ông Nguyễn Đăng S là cán bộ UBND xã H được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn để làm thủ tục đang ký kết hôn, do nhận thức hạn chế và có quan hệ họ hàng nên khi ông S bảo đăng ký như vậy là xong rồi nên chị nghĩ rằng chị và anh H đã đăng ký kết hôn hợp pháp, sau đó ông S cũng không đưa cho chị, anh H Giấy chứng nhận kết hôn. Lời khai của anh H xác định anh và chị L không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới. Tài liệc xác minh tại UBND xã H, Phòng tư pháp huyện N đều xác định không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1989, lời khai người làm chứng là những người có quan hệ huyết thống, họ hàng với chị L, anh H đều trình bày

không biết anh H, chị L có đăng ký kết hôn hay không. Do đó không có cơ sở để xác định chị L, anh H đã đăng ký kết hôn.

Sau khi tổ chức lễ cưới, hai anh chị về sống chung với nhau như vợ chồng và chung sống hạnh phúc từ năm 1989 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị L đi lao động ở nước ngoài về vợ chồng bất đồng quan điểm về tài chính, kinh tế gia đình, nên hai người thường xảy ra cãi nhau, không có sự thông cảm, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ nhau, gia đình họ hàng hai bên, thôn, xóm và các tổ chức đoàn thể tại thôn cũng như UBND xã đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng chị L, anh H không khắc phục được mâu thuẫn. Chị L xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy chị L, anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn, căn cứ quy định tại b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, căn cứ khoản vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Vì vậy, cần xử không công nhận chị Vũ Thị L anh Nguyễn Khắc H là vợ chồng là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh H có hai con chung là Nguyễn Khắc H1 (Nguyễn Khắc Q), sinh ngày 08/5/1991 và Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 15/02/1997, hiện cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thân, chị L, anh H không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị L xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Khắc H là vợ chồng

2. Án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AB/2014/0000101 ngày 03 tháng 8 năm 2017.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy